

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 15

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học: 2021- 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	97%	99%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	95%	100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	100%	100%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	100%	100%

Tân Bình, ngày 11 tháng 9 năm 2021



Trần Thị Thanh Vân

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 15

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học: 2021- 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	541			84	130	147	180
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	541			84	130	147	180
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	541			84	130	147	180
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	541			84	130	147	180
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	541			84	130	147	180
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	541			84	130	147	180
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	541						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	84			84			
2	Chương trình giáo dục nhâ trẻ	457				130	147	180

Tân Bình, ngày 14 tháng 9 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 15

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 -2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.893	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	564	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	79	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8	
XI	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	11 vi tính và 1 bảng tương tác
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	12	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	9	
3	Máy photo	1	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	12			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Tân Bình, ngày 28 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Vân

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 15

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung Bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40		1	23	5	4	7	3	13	13				
I	Giáo viên	27			22	5			3	13	11	8	19		
1	Nhà trẻ	6			3	3				4	2	1	5		
2	Mẫu giáo	21			19	2			3	9	9	7	14		
II	Cán bộ quản lý	2		1	1						2				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	Nhân viên	11					4	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	9					2	7							

Tân Bình, ngày 17 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Vân

